| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN B**<br>**TỈNH HÀ NAM**<br>Số: 50/2017/QĐST - HNGĐ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**<br><br>*Bình Lục, ngày 11 tháng 8 năm 2017* |

# QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 51/2017/TLST – HNGĐ ngày 04/7/2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" giữa:

*** Nguyên đơn**: Anh Trần Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn H, xã HC, huyện B, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn**: Chị Nông Thị L, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn H, xã HC, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04/8/2017.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn H, xã HC, huyện B, tỉnh Hà Nam và **c**hị Nông Thị L, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn H, xã HC, huyện B, tỉnh Hà Nam.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao cháu Trần Diệu L, sinh ngày 03/12/2011 cho anh Trần Văn H nuôi dưỡng. Chị L không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu L cho anh H. Anh H và các thành viên gia đình không được cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản riêng của mỗi người, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Anh Trần Văn H và chị Nông Thị L không đề nghị Toà án giải quyết.

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Văn H và chị Nông Thị L, mỗi người phải chịu 75.000đ (Bẩy mươi lăm nghìn đồng).

Chấp nhận sự thoả thuận của anh H và chị L, chuyển 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) trong tổng số 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà anh H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Lục theo biên lai số AA/2015/0001038 ngày 04/7/2017 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà anh H, chị L phải chịu. Hoàn trả anh H 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh H, chị L đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Nơi nhận*:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã HC, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**THẨM PHÁN**

**Đặng Trần Anh Dũng**